

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 09-4-2019
V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 146/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thành Đ, thuộc Chi nhánh văn phòng Luật sư Bình N, đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1982 (có văn bản vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã Long T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành P trình bày:

Anh và chị T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi chị T sinh con, mọi việc đều để anh làm, lúc nào chị T cũng coi trọng tiền bạc, không tôn trọng chồng và cha mẹ chồng nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Con chung: Có một cháu tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 01/9/2017, hiện đang sống chung với vợ chồng anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Ngô Thị T trình bày: Thống nhất lời trình bày của anh P về quan hệ hôn nhân, nhưng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng chị bán nhà riêng, xây nhà cho cha mẹ chồng, anh P ham mê cờ bạc, đá gà, chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh P không nghe, còn nói có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay chị không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, con còn quá nhỏ. Nếu Tòa án cho ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị yêu cầu anh P chia cho chị 1,5 tỷ đồng, bằng hình thức là anh P phải tìm phần đất trồng sầu riêng khoảng 1.000m² để mua, cất một căn nhà trị giá khoảng 200.000.000 đồng cho mẹ con chị ở, còn dư bao nhiêu đưa lại cho chị.

Nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 146/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành P. Không cho anh Nguyễn Thành P ly hôn với chị Ngô Thị T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2018 anh Nguyễn Thành P có đơn kháng cáo không đồng ý như bản án sơ thẩm, anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thành P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, chị Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành P trình bày: Mâu thuẫn giữa anh P và chị T đã phát sinh trong thời gian dài từ năm 2017 đến nay, hai người sống ly thân cũng đã lâu, chị T không có gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho anh P được ly hôn với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Thành P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành P, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Bị đơn chị Ngô Thị T có văn bản xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Thành P yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị T và yêu cầu được nuôi con chung, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về nội dung: Anh P và chị T kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh P chị T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh P thì sau khi sinh con chị T thay đổi tính tình, mọi việc trong nhà đều do anh làm kể cả việc chăm sóc con. Chị T lúc nào cũng coi trọng tiền bạc, không tôn trọng chồng và cha mẹ chồng nên dẫn đến vợ chồng cự cãi. Chị T cho rằng chị và anh P không có mâu thuẫn gì lớn, do chị sinh non nên sau khi sinh cơ thể yếu ớt, anh P không quan tâm, chăm sóc mà suốt ngày ham chơi đá gà, cờ bạc chị có khuyên can thì anh không nghe. Chị T còn thương anh P và muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ, chị hứa sẽ quan tâm anh P và cha mẹ chồng nhiều hơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu được ly hôn với chị T và yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thành T. Xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh P là không có

cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, mâu thuẫn giữa anh P và chị T chưa thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được vì hiện nay theo anh P trình bày anh với chị T hiện nay vẫn sống chung nhà cùng với cha mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng đôi lúc có xảy ra cự cãi, nhưng không lớn chủ yếu là việc chị T không tôn trọng chồng và cha mẹ chồng. Mặt khác, chị T hứa sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục để vợ chồng đoàn tụ và hàn gắn tình cảm, chị sẽ quan tâm lo lắng và chăm sóc cha mẹ chồng chu đáo hơn vì chị còn thương chồng và muốn cùng chồng nuôi dưỡng và dạy bảo cháu T nên người, xét thấy cháu T hiện nay còn rất nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của cha và mẹ để cháu T được phát triển toàn diện như những đứa trẻ khác. Do đó, lời trình bày của chị T là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh P kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo nuôi con chung, tài sản chung của anh P và chị T.

[4]Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Thành P phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành P. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 146/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành P về việc xin ly hôn với chị Ngô Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thành P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, tổng cộng là 600.000 đồng. Anh P đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai thu số 16037 ngày 03/10/2018 và biên lai thu số 16162 ngày

05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, cần trừ xem như anh P đã nộp xong án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Ngoan